

Số: **167/2022/QĐST-HNGĐ**

*Tp. Tuyên Quang, ngày 13 tháng 9 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 139/2022/TLST- HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm T, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 82, tổ dân phố 11, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn K, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 82, tổ dân phố 11, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm T và anh Nguyễn K .**

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn N, sinh ngày 16/11/2016 và cháu Nguyễn L, sinh ngày 16/11/2016 cho chị Phạm T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn K có trách nhiệm cấp dưỡng

số tiền 1.000.000 đồng/tháng/cháu kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi cháu Nguyễn N, sinh ngày 16/11/2016 và cháu Nguyễn L, sinh ngày 16/11/2016 đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn K được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

*“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án”.*

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm T tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000407, ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, trả lại cho chị Phạm T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn K phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- THADS thành phố Tuyên Quang;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Hương Giang**